

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2021/HS-ST

Ngày 12,13 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Trung Tuyển

Ông Lê Đăng Thiện

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Lê Bá Mạnh và bà Đỗ Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Thư ký dự khuyết: Bà Cao Thị Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H : Ông Trịnh Đình H - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48 /2021/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021;

Đối với bị cáo: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1952

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: thôn 1Y, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Lê Thị S (đã chết); vợ: Lữ Thị L (đã ly hôn) và 03 con, lớn 38 tuổi, nhỏ 35 tuổi.

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021 đến ngày 27/9/2021. có mặt.

- Bị hại: Ông Lê Huy Th, sinh năm 1957

Địa chỉ: thôn P, xã Tr, huyện T, tỉnh T; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Đình C, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn 1, Y, xã T, huyện T, tỉnh T; Có mặt.

3. Bà Lữ Thị L, sinh năm 1953

Địa chỉ: thôn 1, Y, xã T, huyện T, T; Có mặt

4. Anh Lê Viết D, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn 1, Y, xã T, huyện T, T; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lê Huy T trú tại thôn P, xã T là bạn của bà Lữ Thị L, trú tại thôn 1 Y, xã T, huyện T. Khoảng đầu tháng 3 năm 2021, bà L đi Hà nội trông cháu nên đã nhờ ông T trông hộ nhà và giao chìa khóa để ông T thường xuyên đến kiểm tra và dọn nhà.

Ngày 16/3/2021, bà Liên nhờ ông Thức đến kiểm tra nhà và báo lại tình hình nhà cho bà biết, khoảng 15 giờ cùng ngày ông Thức đi xe máy đến nhà bà Liên, dùng chìa khóa mở cửa vào nhà và đi đến khu vực bếp thì dùng điện thoại gọi cho bà Liên qua ứng dụng Messenger để quay trần nhà tại các vị trí tương ứng cho bà Liên xem, lúc này có ông Nguyễn Văn H (là chồng cũ của bà L đã ly hôn ở cạnh nhà bà L) đến, cầm theo 01 đoạn gỗ dài khoảng 1m (dạng thước mộc bằng gỗ lim), thấy ông T có mặt trong nhà bà L trong khi bà L đi vắng nên nghi ngờ có kẻ gian vào trộm cắp tài sản, ông H đi lại gần sau lưng ông T và nói “ Vào nhà bà L lục soát, trộm cắp gì”, ông T nghe có tiếng người nói phía sau lưng thì giật mình quay lại nhận ra ông H nhưng chưa kịp phản ứng thì bị ông H dùng gậy gỗ lim giơ lên và đánh bằng tay phải từ trên xuống một cái trúng vào vùng trán ông Thức làm chảy máu, lúc này ông T kêu la “ồ ông H”, thì được thu truyền vào máy điện thoại của bà L đang nghe máy, tiếp đó ông H dùng gậy gỗ đánh nhiều cái vào tay và lưng ông T, làm gậy gỗ bị gãy thành nhiều đoạn, ông T chống trả và sau đó chạy thoát được ra khỏi nhà bà L tiếp tục kêu cứu, lúc này có một số người dân đến can

ngăn thì ông H cầm các đoạn gỗ vừa đánh ông T bị gãy đi về nhà, còn ông Thức được mọi người đưa đi bệnh viện điều trị.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập ngày 19/3/2021 tại Bệnh Viện đa khoa huyện T, xác định thương tích của ông Lê Huy Thức như sau:

- 01 vết thương rách da vùng trán trái, vị trí phía trên lông mày phải, bờ mép nhám nhở, kích thước (1 x1,5cm).

- Hai cẳng tay sưng nề.

- 01 vết sưng nề, bầm tím tại vùng lưng bên phải, kích thước 10 x1,5 cm, hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện Thọ Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y về thương tích đối với ông Lê Huy Thức.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 243/2021/TTPY ngày 13/4/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương vùng cẳng tay phải gây tổn thương gãy 1/3 giữa xương trụ cẳng tay phải; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng hình ảnh gãy 1/3 giữa xương trụ cẳng tay phải đã cố định bột.

- Chấn thương vùng cẳng tay trái gây tổn thương gãy vát đầu dưới xương trụ cẳng tay trái; đã được điều trị; hiện còn di chứng hình ảnh gãy ½ xương dưới trụ cẳng tay trái đã cố định bằng nẹp vít.

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức phía trên đầu trong cung lông mày trái, kích thước sẹo nhỏ.

- Sẹo mổ kết hợp xương vùng ½ dưới mặt sau trong cẳng tay trái, kích thước sẹo trung bình.

- Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị, hiện tại không để lại vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương chức năng do chấn thương.

“Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Huy T được tính theo phương pháp xác định tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (Điều 4-Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế) là 16% (mười sáu phần trăm).

**Về trách nhiệm bồi thường dân sự:*

Bị hại Lê Huy T yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị, tổn hại sức khỏe là 62.692.561 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường cho ông Lê Huy T thông qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền là 20.000.00đ (Hai mươi triệu) đồng, tại biên lai số AA/2011/002138 ngày 04/8/2021

**Về vật chứng và các đồ vật đã thu giữ gồm:*

+ 02 (hai) đoạn gậy gỗ (dạng thước mộc bằng lim), trong đó: 01 đoạn gậy gỗ kích thước 49 x 4cm, dày 1,1 cm; 01 đoạn gậy gỗ kích thước 51 x 4cm, dày 1,1 cm.

+ 02 (hai) mảnh gỗ, trong đó: 01 mảnh gỗ kích thước 14 x 1,8 cm và 01 mảnh gỗ, kích thước 22 x 4 cm..

Các vật chứng và đồ vật trên đang được quản lý để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKSTX ngày 12/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo H thừa nhận thương tích của ông Thúc là do bị cáo gây nên và không có ý kiến gì về kết luận giám định thương tích.

Bị hại là ông Lê Huy T trình bày:

Ông là bạn của bà Lữ Thị L, trú tại thôn 1 Y, xã T, huyện T. Khoảng đầu tháng 3 năm 2021, bà L đi Hà nội trông cháu nên đã nhờ ông T trông hộ nhà và giao chìa khóa để ông T thường xuyên đến kiểm tra và dọn nhà.

Ngày 16/3/2021, bà L nhờ ông đến kiểm tra nhà và báo lại tình hình nhà cho bà biết, khoảng 15 giờ cùng ngày ông đi xe máy đến nhà bà L, dùng chìa khóa mở cửa vào nhà và đi đến khu vực bếp thì dùng điện thoại gọi cho bà L qua ứng dụng Messenger để quay trần nhà tại các vị trí tương ứng cho bà L xem, lúc này có ông Nguyễn Văn H (là chồng cũ của bà L đã ly hôn ở cạnh nhà bà L) đến, cầm theo 01 đoạn gỗ dài khoảng 1m (dạng thước mộc bằng gỗ lim), thấy ông T có mặt trong nhà bà L trong khi bà L đi vắng, ông H đi lại gần sau lưng ông T và dùng gậy gỗ là hung khí nguy hiểm, đánh vào vùng trán, tay và lưng gây thương tích cho ông. Hậu quả làm ông bị tổn hại sức khỏe 16 %.

Ông T kê khai yêu cầu bị cáo H phải bồi thường tổng số tiền là 62.692.561đ, cụ thể gồm: Tiền thuốc men điều trị 14.042.951đ; Tiền thuê xe đi viện và về

700.000đ; Bồi thường ngày công lao động = 6.500.000đ; Công người chăm sóc tại Bệnh viện: 11 ngày x 250 nghìn = 2.750 nghìn; chi phí 2 người đưa đi sơ cứu: 250.000đ; Bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 1.200.000đ; Chi phí khám, chụp phim, nẹp tay: 610.000đ; Tiền nội trú tại Bệnh viện: 11.107.376; Thuốc điều trị ngoại trú: 2.324.875. Tổng tiền viện phí, thuốc men, đi lại, bồi dưỡng, ngày công lao động: 25.442.561đ. Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do bị xâm hại: 25 tháng lương x 1.490.000) = 37.250.000đ. Tổng cộng: 62.962.561đ (Sáu mươi hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi một) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “ Cố ý gây thương tích”. Đề nghị áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 65; Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền xã T, huyện T quản lý, giáo dục theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 02 đoạn gỗ và 02 mảnh gỗ (dạng gỗ lim) là công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự Điều 357, Điều 468 và Điều 590 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của ông Lê Huy T các khoản gồm: về tiền chi phí điều trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, cho ông Thức số tiền là 12.386.615đ (Mười hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm mười lăm đồng) và số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại là 16% sức khỏe cho ông T từ 13 đến 15 tháng lương tối thiểu tại thời điểm xét xử do Nhà Nước quy định là 1.490.000đ/tháng, thành tiền từ 19.370.000 đồng đến 22.350.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H có ý kiến: Đồng ý với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: về nguyên nhân, động cơ mục đích của bị cáo là sợ trộm vào lấy trộm đồ nhà hàng xóm; về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo; về nhận thức pháp luật của bị cáo; và các tính tiết giảm nhẹ gồm: bị cáo *thành khẩn khai báo* theo quy định tại điểm s, đã *tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại* theo quy định tại điểm b, là *người có công với cách mạng* theo quy định tại điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất và cho hưởng án treo.

Bị cáo H thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh phạm tội, là người có công với cách mạng, đã khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì khác; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội, xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bị hại có ý kiến tranh luận về khoản tiền bồi thường về dân sự, yêu cầu được chấp nhận mức bồi thường như đã kê khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H sợ bị trộm vào nhà hàng xóm lục soát lấy đồ nên đã dùng gậy vọt vào người ông Thúc. Tại phiên tòa bị cáo H thừa nhận thương tích của ông T là do bị cáo gây nên và không có ý kiến gì về kết luận giám định. Người bị hại là ông Txác định thương tích của mình là do bị cáo H gây nên bằng gậy gỗ. Lời khai của các người làm chứng là anh Nguyễn Văn T, Lê Viết D đều xác định: chỉ nghe nói ở nhà bà L có việc bất thường nên ra xem, thấy có người bị thương từ trong nhà bà L đi ra và đưa đi cấp cứu chứ không ai chứng kiến việc ông T bị ông H đánh.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, kết luận giám định về thương tích, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ ngày 16/3/2021, Nguyễn Văn H đã dùng gậy gỗ (dạng thước mộc lim) là hung khí nguy hiểm, đánh vào vùng trán, tay và lưng gây thương tích cho ông Lê Huy T. Hậu quả làm ông T bị tổn hại sức khỏe 16%. Hành vi của Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và đã cấu thành tội Cố ý gây thương tích được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự

Bị cáo Nguyễn Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Hành vi của bị cáo được thực hiện do cố ý, gây thương tích cho người khác bằng gậy gỗ là “hung khí nguy hiểm”, cùng với hậu quả gây tổn thương cơ thể cho ông Lê Huy T là 16%. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo

trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý Hg mang bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Bị cáo đã không giữ được sự bình tĩnh cần thiết, khi xảy ra sự việc bất thường đã không có cách ứng xử phù hợp, không kìm chế được bản thân, mà có hành vi gây nên thương tích cho người khác. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường các quy tắc ứng xử trong đời sống xã hội, coi thường sức khỏe của người khác. Do đó cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo H là người có nhân thân tốt, là người có công với cách mạng. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã thực hiện việc bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại ở trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khác phục hậu quả*”; “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Là người có công với cách mạng*” và là “*thương binh*” theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo H nhất thời phạm tội, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy khi lượng hình cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: ông T bị thương tích ở vùng trán trái, hai cẳng tay sưng nề, 01 vết sưng nề, bầm tím tại vùng lưng bên phải được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện T. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 16%. Xét thương tích của ông T là do bị cáo H gây nên; Vì vậy bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T các khoản chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật.

Xét các khoản chi phí ông T kê khai yêu cầu bồi thường thấy rằng:

Tiền thuê xe ô tô đi bệnh viện điều trị (đi và về) 2 lượt là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng, mặc dù không có hóa đơn nhưng là chi phí thực tế và có xác nhận của lái xe và tại phiên tòa bị cáo H đồng ý bồi thường, nên được chấp nhận;

Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: xét việc ông T bị thương tích, phải bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe là cần thiết nên chấp nhận khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho ông T là: 1.200.000(Một triệu hai trăm nghìn) đồng;

Thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị: ông Thúc yêu cầu bị cáo bồi thường 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng xét thấy công lao động tại địa phương thời điểm hiện tại là: 200.000đ/ ngày, người bị hại bị mất thu nhập trong thời gian là: 26 ngày x 200.000đ = 5.200.000(Năm triệu hai trăm nghìn) đồng. Công người chăm sóc 01 người x 11 ngày, thành tiền 2.200.000đồng (ông Thúc yêu cầu bồi thường 2.750.00 đồng). Các chi phí điều trị, viện phí và thăm khám tại Bệnh viện là: 3.086.615đồng, không công nhận khoản tiền 250.000 đồng cho 02 người đưa ông đi sơ cứu tại trạm y tế xã Thuận Minh. Tổng cộng là: 12.386.615đồng. Bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại là 15 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 = 22.350.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho ông T là 34.736.615đ (Ba mươi tư triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm mười lăm) đồng. Bị cáo H đã nộp tiền bồi thường số tiền 20.000.000đ (qua cơ quan thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân), bị cáo H đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho ông T sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án và các đồ vật có liên quan: Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn gỗ và 02 mảnh gỗ (dạng gỗ lim) là công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 65; điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b Điều 46, Điểm a Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Thời gian chấp hành án tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa

vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho ông Lê Huy T tổng số tiền là 34.736.615đ (Ba mươi tư triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm mười lăm) đồng. Được trừ đi số tiền 20.000.00 đồng bị cáo đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự tại biên lai thu tiền số AA/2011/ 002138. Bị cáo còn phải bồi thường 14.736.615 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm mười lăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy

+ 02 (hai) đoạn gậy gỗ (dạng thước mộc bằng lim), trong đó: 01 đoạn gậy gỗ kích thước 49 x 4cm, dày 1,1 cm; 01 đoạn gậy gỗ kích thước 51 x 4cm, dày 1,1 cm.

+ 02 (hai) mảnh gỗ, trong đó: 01 mảnh gỗ kích thước 14 x 1,8 cm và 01 mảnh gỗ, kích thước 22 x 4 cm.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 736.830,75 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 936.830đ (Chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại: - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hồng Đức

-